

## NGHỊ QUYẾT

### Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

## HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 160/QĐ-KĐCLGDTL ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua dự thảo Nghị quyết tại phiên họp ngày 25 tháng 3 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục.

## QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế của Đoàn đánh giá ngoài. Đoàn đánh giá ngoài đã thực hiện khảo sát chính thức đối với hình thức đào tạo chính quy và tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai và minh bạch theo đúng quy định và quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường đã đồng ý với kết quả đánh giá của Đoàn đánh giá ngoài.

Kết luận về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học được ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ mức 4 trở lên là 42/50 tiêu chí (chiếm 84%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (*Chi tiết trong Phụ lục I*). Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế đạt yêu cầu về chất lượng.

2. Kiến nghị Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế thực hiện 11 nhóm giải pháp bảo đảm, cải tiến và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo (*Chi tiết trong Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long ban hành Quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế theo quy định hiện hành./.

**Nơi nhận:**

- GD TTKĐCLGD Thăng Long;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Phòng ĐGCN CLGD;
- Trường ĐH Khoa học, ĐH Huế;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Thị Kim Phụng**



**Phụ lục I**  
**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH BÁO CHÍ**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ**

(Kèm theo Nghị quyết số **18** /NQ-HĐKĐCLGD ngày 25 tháng 3 năm 2023  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

| Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 | Tiêu chuẩn,<br>tiêu chí | Đánh<br>giá<br>tiêu<br>chí | Tổng hợp<br>theo tiêu chuẩn |                    |                                 |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------|---------------------------------|
|                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí đạt<br>(%) |                         |                            | Mức<br>trung<br>bình        | Số tiêu<br>chí đạt | Tỷ lệ số<br>tiêu chí đạt<br>(%) |
| <b>Tiêu chuẩn 1</b>     |                            | 3,67                        | 2                  | 66,67                           | <b>Tiêu chuẩn 7</b>     |                            | 3,80                        | 4                  | 80,00                           |
| Tiêu chí 1.1            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.1            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.2            | 3                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 1.3            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 2</b>     |                            | 4,00                        | 3                  | 100                             | Tiêu chí 7.4            | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.1            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 7.5            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 2.2            | 4                          |                             |                    |                                 | <b>Tiêu chuẩn 8</b>     |                            | 4,40                        | 5                  | 100                             |
| Tiêu chí 2.3            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.1            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 3</b>     |                            | 3,67                        | 2                  | 66,67                           | Tiêu chí 8.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.1            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.3            | 5                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.2            | 3                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 3.3            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 8.5            | 5                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 4</b>     |                            | 4,00                        | 3                  | 100                             | <b>Tiêu chuẩn 9</b>     |                            | 3,80                        | 4                  | 80,00                           |
| Tiêu chí 4.1            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.1            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.2            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.2            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 4.3            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.3            | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 5</b>     |                            | 3,80                        | 4                  | 80,00                           | Tiêu chí 9.4            | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.1            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 9.5            | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.2            | 4                          |                             |                    |                                 | <b>Tiêu chuẩn 10</b>    |                            | 3,83                        | 5                  | 83,33                           |
| Tiêu chí 5.3            | 3                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.1           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.4            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.2           | 3                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 5.5            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.3           | 4                          |                             |                    |                                 |
| <b>Tiêu chuẩn 6</b>     |                            | 3,86                        | 6                  | 85,71                           | Tiêu chí 10.4           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.1            | 3                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.5           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.2            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 10.6           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.3            | 4                          |                             |                    |                                 | <b>Tiêu chuẩn 11</b>    |                            | 3,80                        | 4                  | 80,00                           |
| Tiêu chí 6.4            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.1           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.5            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.2           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.6            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.3           | 4                          |                             |                    |                                 |
| Tiêu chí 6.7            | 4                          |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.4           | 3                          |                             |                    |                                 |
|                         |                            |                             |                    |                                 | Tiêu chí 11.5           | 4                          |                             |                    |                                 |

|                |                 |                           |
|----------------|-----------------|---------------------------|
| Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| 3,88           | 42              | 84,00                     |

**Phụ lục II**  
**KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH BÁO CHÍ**  
**CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC, ĐẠI HỌC HUẾ**

(Kèm theo Nghị quyết số 48 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 25 tháng 3 năm 2023  
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long)

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Báo chí (CTĐT) của Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế giai đoạn 2017 - 2022 cho thấy những điểm mạnh như sau:

Mục tiêu của CTĐT phiên bản năm 2021 được xác định rõ ràng, được rà soát, điều chỉnh và cập nhật, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học trong Luật Giáo dục đại học. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần có đủ các nội dung cơ bản cần thiết, được công bố công khai. Chương trình dạy học được thiết kế theo yêu cầu của chuẩn đầu ra (CĐR) của CTĐT có các tổ hợp các phương pháp dạy và học, tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với việc đạt được CĐR. Cấu trúc của chương trình dạy học thể hiện sự gắn kết thống nhất giữa các khối học phần chung đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành, được bố trí hợp lý theo từng học kỳ với trình tự phù hợp; được rà soát/điều chỉnh, bổ sung và cập nhật vào năm 2018 và năm 2021. Trường có tuyên bố về giá trị cốt lõi và mục tiêu đào tạo trong Chiến lược phát triển. Đề cương các học phần đầy đủ và đúng quy định. Giảng viên đã thiết kế các hoạt động, phương pháp dạy học đa dạng, phù hợp để giúp sinh viên đạt các CĐR, hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng mềm và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo Quy định về đào tạo của Đại học Huế và Quy chế học vụ của Trường, được công bố công khai, kịp thời đến giảng viên và người học. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Nhiệm vụ, loại hình số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học của giảng viên, nghiên cứu viên được xác lập. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên có nhiều thành tích trong nghiên cứu khoa học. Chính sách, phương thức, tiêu chí tuyển sinh chính quy được xác định rõ ràng, được đánh giá, cập nhật, điều chỉnh hằng năm phù hợp với nhu cầu của xã hội, điều kiện thực tế của Trường. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập, cảnh báo học vụ được thiết lập, có quy định rõ ràng; cơ sở dữ liệu để giám sát được lưu trữ đầy đủ trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo và cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Môi trường làm việc thân thiện, lành mạnh, cảnh quan hiện đại, tạo điều kiện thoải mái để thực hiện các hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Nhà trường có đủ phòng học, phòng làm việc, Thư viện được trang bị các thiết bị hỗ trợ phù hợp, có nguồn tài liệu phong phú, có đội ngũ cán bộ quản lý chuyên nghiệp; các phòng thực hành, phòng đồ án được trang bị

hệ thống máy tính với các phần mềm phù hợp, được kết nối mạng internet, đảm bảo tốt việc học của sinh viên thuộc CTĐT. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được thiết lập. Hoạt động rà soát và đánh giá quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của người học được quy định, thực hiện thường xuyên trong chu kỳ đánh giá. Giảng viên chủ trì và tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, biên soạn nhiều giáo trình; kết quả nghiên cứu được truyền tải thành nội dung giảng dạy và cải tiến hoạt động giảng dạy của giảng viên và hoạt động học tập của người học. Tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập, giám sát và cập nhật hằng năm. Kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên khá tốt thể hiện có nhiều sinh viên đạt nhiều giải thưởng các cấp. Hoạt động khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan được triển khai định kỳ hằng năm, kết quả được sử dụng tương đối hiệu quả để cải tiến chất lượng.

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường, Khoa Báo chí - Truyền thông cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. CTĐT cần mô tả rõ yếu tố hội nhập quốc tế, tự chủ và trách nhiệm, khả năng dẫn dắt khởi nghiệp theo Khung trình độ quốc gia; cập nhật năng lực ứng dụng các công cụ chuyển đổi số; rà soát, giảm bớt số lượng CDR của CTĐT tránh trùng lặp, diễn tả cô đọng với động từ phù hợp, đo lường được; cần có biện pháp để khai thác và sử dụng hiệu quả các góp ý chuyên sâu của các bên liên quan về CDR của CTĐT, chú trọng ý kiến nhà sử dụng lao động, chuyên gia và cựu sinh viên; định kỳ tổ chức các hội nghị/tọa đàm chuyên sâu về việc cải tiến CDR của CTĐT.

2. Cần bổ sung sơ đồ các học phần trong bản mô tả CTĐT, phân bổ số tiết thực hành, thảo luận, bài tập theo đúng cách tính giờ tín chỉ theo quy định; bổ sung bảng ma trận liên kết CDR của học phần với CDR của CTĐT vào các đề cương học phần; bổ sung, tích hợp các bảng tiêu chí đánh giá/rubrics đánh giá vào các đề cương học phần thực hành, thuyết trình, tiểu luận; tăng cường các thảo luận chuyên sâu của giảng viên để cải tiến các đề cương học phần; định kỳ khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về hình thức, nội dung và cách thức công bố bản mô tả CTĐT để có cơ sở cải tiến.

3. Cần xây dựng các tài liệu hướng dẫn chi tiết về phát triển CTĐT theo CDR; hướng dẫn chọn lọc, đánh giá hiệu quả và mức độ phù hợp của các tổ hợp phương pháp dạy học và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với từng nhóm/loại CDR theo từng cấp độ, tiến trình triển khai CTĐT để liên tục cải tiến; phân nhiệm chính xác, cân đối và hợp lý các CDR của CTĐT vào các học phần trong bảng ma trận; định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về sự tương

thích và phù hợp của các CDR trong các bảng ma trận, chú trọng ý kiến các chuyên gia; bổ sung nhiều hơn học phần tự chọn, học phần liên thông với các CTĐT khác trong Trường và xây dựng học phần hoặc tích hợp nội dung “Giao tiếp liên văn hóa”, “Quản lý dự án” để người học có thể nâng cao năng lực tổ chức và quản lý theo yêu cầu của CDR trong Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Cần hoàn thiện triết lý giáo dục với những nội dung cụ thể, phát triển từ các giá trị cốt lõi sẵn có của Trường; hướng dẫn cách thức lồng ghép/chuyển tải triết lý giáo dục/giá trị cốt lõi vào hoạt động dạy và học cụ thể. Trong dạy học, cần tăng cường sử dụng hình thức đóng vai, trò chơi, bài tập tình huống và lớp học đảo ngược, bổ sung trong các đề cương học phần; cần thường xuyên tổ chức tập huấn về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, chủ động cho người học; giảng viên cần tăng cường dự giờ để đánh giá chất lượng giờ giảng và trao đổi kinh nghiệm; cần tăng số lượng người học tham gia nghiên cứu khoa học, làm khóa luận tốt nghiệp, giao lưu trao đổi, tọa đàm với cựu người học và các chuyên gia quốc tế về báo chí truyền thông; có biện pháp nâng cao khả năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ để hỗ trợ người học nâng cao năng lực học tập suốt đời; khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động tự học và nhu cầu hỗ trợ tự học của người học.

5. Cần xây dựng các hướng dẫn chi tiết, tập huấn về kiểm tra đánh giá, cách thức xây dựng ma trận đề thi, xây dựng các rubrics và lồng ghép trong đề cương học phần, bao gồm rubrics chi tiết và trọng số cụ thể để đánh giá đồ án tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, đánh giá thái độ, kỹ năng mềm của người học trong các hoạt động nhóm; cập nhật Quy định xây dựng và quản lý ngân hàng câu hỏi thi/đề thi đáp ứng CDR của CTĐT; định kỳ khảo sát sâu trực tiếp với người học, kết hợp tự đánh giá, đánh giá chéo và đánh giá của giảng viên để rút kinh nghiệm cải tiến; sử dụng hiệu quả việc phân tích chất lượng các đề thi theo mô hình Rash; định kỳ tổng kết, sơ kết, trao đổi trực tiếp để xem xét mức độ sinh viên sử dụng hỗ trợ của Trường để cải thiện việc học tập của mình; cần lấy ý kiến phản hồi của người học và giảng viên về cơ chế, quy trình khiếu nại, phúc khảo để có cơ sở cải tiến; có cơ chế cho người học biết đáp án hoặc được giải đáp thắc mắc sau phúc khảo.

6. Cần phân tích, đánh giá mức độ phát triển đội ngũ giảng viên so với kế hoạch, xác định các giải pháp nhằm đạt được kế hoạch; cần có dự báo nhu cầu nhân lực và sự tăng trưởng quy mô đào tạo toàn trường nói chung và từng ngành nói riêng để chủ động phát triển đội ngũ giảng viên hàng năm, trung hạn, dài hạn cho phù hợp, giảm số giờ giảng dạy vượt định mức để giảng viên có điều kiện tham gia nghiên cứu khoa học; cần tích hợp các phần mềm quản lý cán bộ, giảng viên vào 01 phần mềm duy nhất để sử dụng hiệu quả; cần xây dựng, sử dụng hữu hiệu bộ chỉ số đánh giá năng lực giảng viên, nghiên cứu viên; định kỳ khảo sát, phân tích nhu cầu, tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng, có đánh giá, cải tiến hàng năm để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên;

bổ sung việc sử dụng ý kiến phản hồi của sinh viên về chất lượng giảng dạy để đánh giá phân loại giảng viên; rà soát các quy định, tiêu chí thi đua khen thưởng để tạo động lực cho giảng viên phấn đấu nâng cao năng lực; rà soát quy định quy đổi giờ chuẩn cho các bài báo, kỷ yếu hội thảo và trao đổi học thuật phù hợp hơn với chất lượng, giá trị của từng loại hình công bố; cần có giải pháp để khuyến khích giảng viên đăng ký các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ, cấp Nhà nước hoặc tham gia làm các đề tài hợp tác quốc tế.

7. Nên dự báo để quy hoạch đội ngũ nhân viên trong Chiến lược phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu hỗ trợ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; đa dạng các hình thức khảo sát, thu thập thông tin về sự hài lòng của các bên liên quan về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học; rà soát, mô tả rõ từng vị trí việc làm của nhân viên, ban hành quy định về việc tuyển dụng công chức viên chức, quy định bổ nhiệm, điều động, luân chuyển nhân viên để phù hợp với Đề án vị trí việc làm cũng như đặc thù của Khoa/Trường; định kỳ khảo sát nhu cầu bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và trên cơ sở yêu cầu công việc để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan trực tiếp đến công việc đang đảm nhận; rà soát các tiêu chí đánh giá, tiêu chí thi đua, khen thưởng và nâng lương trước thời hạn để khuyến khích động viên đội ngũ nhân viên; khảo sát một cách có hệ thống về sự hài lòng của nhân viên hỗ trợ để có căn cứ cải tiến; cải tiến phần mềm quản trị công việc đã có để có thể sử dụng đối với nhân viên.

8. Nên tham khảo thêm ý kiến của các bên liên quan ngoài Trường, trong đó có ý kiến của học sinh trung học phổ thông và phụ huynh trong quá trình xây dựng, điều chỉnh chính sách tuyển sinh; tuyên truyền rộng rãi các phương thức tuyển sinh, nghiên cứu các phương thức xét tuyển mới để lựa chọn được người giỏi, người có năng lực phù hợp với CTĐT; quan tâm hơn đến ý kiến nhà tuyển dụng trong mối quan hệ hợp tác kết nối với doanh nghiệp, tạo cơ sở học tập trải nghiệm và cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp.

9. Cần rà soát, đánh giá hiện trạng các trang thiết bị, các hạng mục công trình trong Trường để lập kế hoạch bổ sung trang thiết bị (chú trọng bổ sung máy tính và bản quyền các phần mềm quản lý mới), sửa chữa, nâng cấp các công trình cũ; tăng kinh phí dành cho mua giáo trình tài liệu mới, khuyến khích giảng viên viết giáo trình, tài liệu học tập cho người học; cần cập nhật quy định về việc biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy theo Thông tư số 35/2021/TT-BGDĐT; rà soát các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn phù hợp với quy định hiện hành và điều kiện thực tế của Nhà trường, hợp nhất vào một văn bản quy định chung để dễ thực hiện; thường xuyên kiểm tra, thay thế các bình chữa cháy đã hết hạn sử dụng, đặt tiêu lệnh chữa cháy và nội quy phòng chống cháy nổ ở những vị trí cần thiết; quan tâm hơn nữa đến các nhu cầu đặc biệt của người khuyết tật.

10. Cần xây dựng, ban hành quy định về quy trình rà soát, đánh giá, cải tiến các hoạt động của Trường nói chung và quy trình thiết kế, phát triển CTĐT, chương trình dạy học và cơ chế phản hồi của các bên liên quan nói riêng; đẩy mạnh hoạt động dự giờ giảng viên, tổ chức rà soát, đánh giá sự tương thích của phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập phù hợp với CDR; cần có chính sách khuyến khích giảng viên, người học tham gia nghiên cứu khoa học về phát triển CTĐT, chương trình dạy học, đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập, nâng cao số lượng và chất lượng đề tài nghiên cứu khoa học; thường xuyên đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công và mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của thư viện, phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác làm cơ sở cải tiến chất lượng các dịch vụ đối với CTĐT.

11. Cần ban hành hướng dẫn chi tiết về công tác giám sát, thống kê, phân tích đối sánh tỷ lệ sinh viên thôi học, tốt nghiệp đúng hạn và tính thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên các khoá đào tạo; đặc biệt quan tâm đến các giải pháp khả thi, hiệu quả để giảm số sinh viên thôi học và tăng số sinh viên tốt nghiệp trước hạn và đúng hạn; hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp để từ đó thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động, giảng viên, cựu người học về chất lượng sinh viên tốt nghiệp của CTĐT.

Trên đây là kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long với 11 nhóm giải pháp. Nhà trường cần nghiên cứu kỹ các nhóm giải pháp này cùng với Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT trình độ đại học ngành Báo chí. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục, Nhà trường cần báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng CTĐT gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành./.